



QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ - Chiến lược kinh doanh quốc tế của Samsung cho phép mỗi công ty con của Samsung

UEH sau đại học (Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐẠI HỌC UEH
TRƯỜNG KINH DOANH
KHOA NGÂN HÀNG



ĐỀ ÁN

Môn học: Quản lý quỹ đầu tư

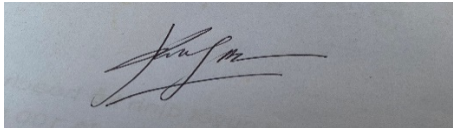
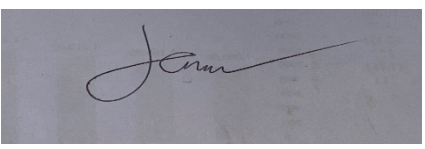

Mã Lớp Học Phần: 23C1BAN50600401

Giảng viên: ThS. Lê Nguyễn Quỳnh Hương

Nhóm sinh viên: Nhóm 17

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2023.

BẢNG ĐÁNH GIÁ HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng (TTN)	Tỷ lệ hoàn thành công việc được phân công	Chữ ký
1. Nguyễn Thị Kim Ngân	100%	 Tôi đồng ý với tỷ lệ đánh giá hoàn thành công việc được ghi trong bảng này
2. Tào Quang Tâm	100%	 Tôi đồng ý với tỷ lệ đánh giá hoàn thành công việc được ghi trong bảng này
3. Lê Hữu Trường	100%	 Tôi đồng ý với tỷ lệ đánh giá hoàn thành công việc được ghi trong bảng này

MỤC LỤC

A. PHẦN 1: THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ QUỸ	3
1.1. CÁC THÔNG TIN CHUNG:	3
<i>a. Các thông tin chung:</i>	<i>3</i>
1.2. TÍNH CHẤT VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ:	4
1.3. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG:	5
<i>a. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ:</i>	<i>5</i>
<i>b. Tổng vốn huy động:</i>	<i>5</i>
<i>c. Công ty Quản lý Quỹ và Danh sách các đại lý phân phối:</i>	<i>5</i>
1.4. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT:	10
1.5. CÔNG TY KIỂM TOÁN:	11
1.6. BAN QUẢN LÝ QUỸ:	11
<i>a. Ban lãnh đạo của Quỹ:</i>	<i>11</i>
<i>b. Ban điều hành trực tiếp quản lý quỹ:</i>	<i>12</i>
1.7. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ CỦA QUỸ:	13
1.8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ:	14
<i>a. Cơ cấu đầu tư</i>	<i>15</i>
<i>b. Tài sản được phép đầu tư:</i>	<i>15</i>
<i>c. Lĩnh vực đầu tư:</i>	<i>16</i>
<i>d. Hạn chế đầu tư:</i>	<i>18</i>
1.9. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ:	20
<i>a. Phương pháp lựa chọn đầu tư</i>	<i>20</i>
<i>b. Phương pháp lựa chọn cổ phiếu</i>	<i>21</i>
<i>c. Về cấu trúc và chiến lược quản trị danh mục, Quỹ sẽ phân bổ tài sản theo nguyên tắc sau:</i>	<i>22</i>
1.10. PHÂN TÍCH CÁC CỔ PHIẾU QUỸ LỰA CHỌN:	23
<i>a. VIC (Tập đoàn Vingroup)</i>	<i>23</i>

<i>b. CCI (Tổng công ty Xây dựng số 1).....</i>	26
<i>c. HAN (Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội:.....</i>	29
B. PHẦN 3: TÀI LIỆU THAM KHẢO & LỊCH SỬ GIÁ.....	30
<i>a. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</i>	30
<i>b. LỊCH SỬ GIÁ:.....</i>	31

A. PHẦN 1: THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ QUỸ

1.1. CÁC THÔNG TIN CHUNG:

a. Các thông tin chung:

Tên đầy đủ của Quỹ: Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Tăng trưởng TTN

Tên tiếng Anh: TTN CAPITAL APPRECIATION FUND

Tên viết tắt: TTNGS

- Trong đó:

+ TTN : là tên viết tắt của các thành viên trong nhóm (Tâm, Trường, Ngân)

+ Growth: Tăng trưởng (phong cách đầu tư của quỹ)

+ Stock: tài sản mà quỹ nắm giữ chủ yếu

⇒ Đây là Quỹ Đầu tư Tăng trưởng phù hợp cho những nhà đầu tư có khả năng chấp nhận rủi ro trung bình, muốn đầu tư vào những cổ phiếu không có nhiều rủi ro, cổ phiếu của những doanh nghiệp có uy tín nhưng đang bị thị trường định giá thấp. Quỹ đầu tư này được thành lập với mục tiêu trở thành tổ chức tài chính hàng đầu, thu hút vốn đầu tư thông qua các chứng khoán quỹ nắm giữ, cam kết hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, tuân thủ các quy định về xã hội, môi trường, kinh tế và pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ TTN Việt Nam.

Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 08 năm 2023, giấy phép điều chỉnh 111/GPĐC do UBCKNN cấp ngày 19 tháng 09 năm 2023 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung khác vào từng thời điểm.

Trụ sở chính: P.508, tầng 15, tòa nhà B2, số 279 Nguyễn Tri Phương, phường 5, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 8933 0186

Fax: (84-28) 8933 5779

b. Phương án phát hành lần đầu:

<i>Tên Quỹ</i>	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TTN
<i>Tên tiếng Anh của Quỹ</i>	TTN Capital Appreciation Fund
<i>Loại hình</i>	Quỹ Đại chúng dạng Quỹ mở
<i>Thời hạn của Quỹ</i>	Không xác định thời hạn
<i>Nhà đầu tư của Quỹ</i>	Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước
<i>Mệnh giá</i>	10.000 (mười nghìn) VND/Đơn vị quỹ
<i>Giá phát hành lần đầu</i>	10.000 (mười nghìn) VND/Đơn vị quỹ, trong đó bao gồm mệnh giá và Giá dịch vụ phát hành lần đầu 0%
<i>Đơn vị tiền tệ</i>	Việt Nam Đồng (VND)
<i>Giá trị đăng ký mua tối thiểu (Đã bao gồm Giá dịch vụ phát hành)</i>	1.000.000 (Một triệu) VND/Lệnh mua
<i>Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu</i>	Số chứng chỉ quỹ mua được = Tổng giá trị đăng ký mua hợp lệ/ Giá phát hành lần đầu
<i>Thời hạn phát hành và ngày kết thúc đợt phát hành lần đầu</i>	Ngày bắt đầu bán: 16/08/2023 Ngày kết thúc chào bán: 16/10/2023 Thời hạn đăng ký mua: Từ ngày 16/09/2023 đến hết 16/10/2023.

1.2. TÍNH CHẤT VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ:

TTN INVESMENT MANAGEMENT CO.LTD là công ty sở hữu 55% Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ TTN. TTN INVESMENT MANAGEMENT CO.LTD được thành lập vào tháng 08 năm 2023.

Quỹ Đầu tư TTNGS: Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng được TTN CAPITAL quản lý trong suốt quá trình

hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động không giới hạn. Mục tiêu đầu tư chủ yếu vào các cổ phiếu có uy tín nhưng bị thị trường định giá thấp.

1.3. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG:

a. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ TTN là quỹ đại chúng dạng mở, không xác định thời hạn. Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.

Ban đại diện quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, TTN CAPITAL và Ngân hàng giám sát

b. Tổng vốn huy động:

Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 9.000.000.000 VNĐ (chín tỷ đồng), số vốn này được chia thành 9 trăm Chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi Chứng chỉ quỹ là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng).

Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ TTN mở tại Ngân hàng giám sát.

c. Công ty Quản lý Quỹ và Danh sách các đại lý phân phối:

1. Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ TTN Việt Nam

Trụ sở chính: P.508, tầng 15, tòa nhà B2, số 279 Nguyễn Tri Phương, phường 5, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 8933 0186

Fax: (84-28) 8933 5779

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển

Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà Thaiholdings, 210 Trần Quang Khải, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 12/GCN-

UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/05/2021

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 8, Tầng 9 Tòa nhà Thaiholdings, 210 Trần Quang Khải, Phường

Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 – 24) 3935 2722 Fax: (84 – 24) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3821 8885 Fax: (84 – 28) 3821 8510

3. Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC)

Trụ sở chính: Tầng 1-4, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 38/GCN-

UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/07/2022

Điện thoại: (84 – 28) 6299 2006 Fax: (84 – 28) 6291 7986

4. Công ty TNHH Chứng khoán Yuanta Việt Nam (YSVN)

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Center, 65 Lê Lợi, Phường Bến

Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 08/GCNUBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/02/2022

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Center, 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.

Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868

Fax: (84 – 28) 3915 2728

Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ: 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5A, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)

Phòng Giao dịch Láng Hạ (thuộc Chi nhánh Hà Nội)

Địa chỉ: Phòng 202 Tầng 2 Tòa nhà Ford Thăng Long, 105 Phố Láng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)

Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà BIDV, 441 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú

Cường, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)

Chi nhánh Đồng Nai

Địa chỉ : Tầng trệt, Tháp B, Tòa nhà The Pegasus, 53-55 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Tầng 1, 150-156 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Hodeco Plaza, 36 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (84 – 28) 3622 6868 (**)

*(**) Các chi nhánh của YSVN chung một (01) số điện thoại liên hệ, không có số fax riêng cho các chi nhánh.*

5. Công ty Cổ phần Fincorp (FINCORP)

Trụ sở chính: 4A/167A Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3636 1079 Fax: (84 – 28) 3636 1078

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở số

01/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 04 năm 2018

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: 4A/167A Nguyễn Văn Thương, Phường 25,

Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

6. Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Le Merdien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3910 2222 Fax: (84 – 28) 3910 7222

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 11/GCNUBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 05 năm 2021

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ

Hội sở chính

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Le Merdien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 – 28) 3910 2222 Fax: (84 – 28) 3910 7222

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà văn phòng trung tâm Hà Nội, Tầng 3, số 44B Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 – 24) 7309 3968 Fax: (84 – 24) 3938 7198

7. Công ty Cổ phần Chứng khoán VINA

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội. Điện thoại: (84 – 24) 6687 8996

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số

42/GCNUBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 08 năm 2022.

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ: Phòng 702, Tầng 7 Tòa nhà Capital Building, số 58 Kim Mã, phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

1.4. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT:

Tên Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tên viết tắt: BIDV.

Giấy phép thành lập và hoạt động số: 84/GP-NHNN do Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 23 tháng 4 năm 2012 (và các bản cập nhật, sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm).

Mã số doanh nghiệp: 0100150619. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 04 năm 1993, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 06 tháng 10 năm 2021.

Giấy chứng nhận đăng lý hoạt động lưu ký chứng khoán số: 18/2012/GCNCP-VSD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 07 năm 2012.

Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 1900 9247

Email: bidv247@bidv.com.vn

Các điều kiện và điều khoản liên quan đến việc cung cấp dịch vụ của Ngân hàng Giám sát cho QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ TTN được thể hiện chi tiết tại “Hợp đồng Giám sát”.

Ngân hàng giám sát có vai trò như sau:

- (1) Bảo quản và lưu giữ các chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế và các chứng từ liên quan đến tài sản của Quỹ. Đồng thời, họ cũng giám sát các hoạt động của Quỹ.*
- (2) Đảm nhận nhiệm vụ giám sát toàn bộ quá trình quản lý tài sản của Quỹ do công ty Quản lý Quỹ tiến hành.*

1.5. CÔNG TY KIỂM TOÁN:

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất lựa chọn một Công ty kiểm toán, là công ty có đủ tiêu chuẩn để thực hiện kiểm toán cho Quỹ. Việc lựa chọn Công ty Kiểm toán có uy tín, phù hợp và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ là nhằm đảm bảo tính trung thực, chính xác của các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư và từ đó bảo vệ tốt hơn quyền lợi của Nhà đầu tư.

Đại hội Nhà đầu tư sẽ quyết định công ty kiểm toán dựa trên các đề xuất của công ty quản lý quỹ. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện quỹ thì việc lựa chọn Công ty kiểm toán sẽ do Ban đại diện quỹ quyết định.

Và đầu năm 2023, TTN Fund quyết định Công Ty TNHH Hãng **Kiểm toán** AASC sẽ là đơn vị đồng hành cùng Quỹ trong năm nay với cam kết trung thực, chính xác đem đến những lợi ích tốt nhất cho Nhà đầu tư.

1.6. BAN QUẢN LÝ QUỸ:

a. Ban lãnh đạo của Quỹ:



Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

(Chủ tịch HĐQT)

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân bắt đầu giữ cương vị Chủ tịch Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ TTN từ năm 2023. Bà có những thành tích tốt, cũng như nền tảng vững chắc trong lĩnh vực Chứng khoán thông qua việc đạt 3,5/4 GPA môn học Phân tích và định giá chứng khoán. Thường xuyên cập nhật kiến thức liên tục về việc quản lý các danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu tại các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và công ty

quản lý quỹ. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân hiện đang là Cử nhân ngành Ngân hàng quốc tế tại Đại học Kinh tế TP.HCM.

Bà giữ vai trò phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Quỹ thông qua thể mạnh của từng người, trình bày các thông tin chung của quỹ để có thể tiếp cận được một cách tốt nhất đến các Nhà Đầu tư có nhu cầu và hứng thú với Quỹ.

b. Ban điều hành trực tiếp quản lý quỹ:

- ***Ông Tào Quang Tâm:***



(Trưởng Ban điều hành Quỹ)

Ông Tào Quang Tâm là sinh viên đạt điểm xuất sắc môn Thị trường và các định chế tài chính, điều đó càng khẳng định hơn qua sự nhạy bén của ông đối với những con số, những biến động dù là nhỏ nhất của thị trường. Ông hiện đang là Cử nhân ngành Ngân hàng quốc tế tại Đại học Kinh tế TP.HCM.

Các kết quả được thể hiện trong bảng báo cáo, phân tích về hoạt động của quỹ sẽ do ông đảm nhận.

- ***Ông Lê Hữu Trường:***



(Phó ban quản lý Quỹ)

Ông Lê Hữu Trường đã có những thành tích tốt trong môn học Quản lý tín dụng, ông thể hiện khả năng của mình một cách xuất sắc qua việc quản lý những con số, tối thiểu hóa các rủi ro mà quỹ phải đối diện. Ông hiện đang là cử nhân ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Kinh tế TP.HCM.

Các đánh giá về rủi ro, dự báo biến động về tài sản của Quỹ, phân tích về các chứng khoán mà Quỹ lựa chọn đầu tư sẽ do ông phụ trách đảm nhận.

1.7. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ CỦA QUỸ:

Mục tiêu của TTN Fund là tăng vốn và tài sản của nhà đầu tư bằng cách tập trung đầu tư vào cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn thị trường chứng khoán Việt Nam (VN-index) trong dài hạn. Cùng với đó, Quỹ cũng tạo ra lợi nhuận bền vững cho các Nhà đầu tư thông qua sự kết hợp giữa tăng trưởng vốn gốc dài hạn và thu nhập từ cổ tức. Quỹ cũng giảm thiểu tối đa các rủi ro cho khách hàng bằng cách đầu tư vào danh mục đa dạng, tập trung vào các cổ phiếu vừa và lớn thuộc nhiều lĩnh vực nổi bật của nền kinh tế Việt Nam. Cùng với việc đầu tư vào những cổ phiếu có nền tảng cơ bản vững chắc và lợi thế cạnh tranh bền vững, nó còn tạo cơ hội cho các nhà đầu tư tăng giá trị cổ phiếu của họ trong dài hạn, đồng thời có cơ hội tạo ra dòng tiền và có được nguồn vốn ổn định từ cổ tức hàng năm. Triết lý đầu tư tăng trưởng giá trị của TTN tập trung vào việc tìm kiếm và theo đuổi những công ty xuất sắc tiếp tục tạo ra giá trị cho thị trường bằng những sản phẩm vượt bậc, từ đó tiếp tục tạo ra giá trị cho các cổ đông trên thị trường. TTN tìm kiếm các điểm đầu tư hợp lý dựa trên các mô hình định giá, nhờ đó quá trình đầu tư giá trị luôn được tối ưu hóa và tài sản của nhà đầu tư được bảo vệ trước những biến động của thị trường.

1.8. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ:

Quỹ TTN sẽ đầu tư vào danh mục đầu tư đa dạng bao gồm các cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc lựa chọn các ngành và công ty dựa trên đánh giá phong cách giá trị, phân tích cơ bản và đánh giá yếu tố thị trường. Tiêu chí lựa chọn công ty như sau:

- Là công ty đầu ngành
- Có tình hình tài chính lành mạnh
- Dòng tiền ổn định và chất lượng tài sản tốt
- Có hệ thống quản lý doanh nghiệp đáng tin cậy.

Lĩnh vực đầu tư chính của quỹ TTN tập trung vào cổ phiếu niêm yết trên sàn chứng khoán, cổ phiếu sắp niêm yết và cổ phiếu của các công ty cổ phần. Chiến lược đầu tư của TTN là xây dựng danh mục đầu tư đa dạng, có khả năng thích ứng tốt với triển vọng kinh tế thị trường. Các nhà quản lý danh mục đầu tư lựa chọn các khoản đầu tư thông qua quá trình nghiên cứu chuyên sâu, phát triển sự hiểu biết sâu sắc về vị thế cạnh tranh, điều kiện và hiệu quả tài chính của công ty mục tiêu, hiệu suất trong quá khứ, quản trị doanh nghiệp và triển vọng trong tương lai. Danh mục đầu tư có thể được chủ động cơ cấu lại vào những thời điểm cụ thể để đảm bảo Quỹ có thể đạt được các mục tiêu đầu tư của mình.

Danh mục đầu tư của quỹ sẽ chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu công ty chất lượng cao có giá thấp hơn giá trị nội tại của công ty (giá trị lợi nhuận, giá trị tài sản, v.v.), cũng như các cổ phiếu có lợi nhuận ổn định và tăng trưởng bền vững trong các ngành cơ bản và trọng điểm kinh tế. Cổ phiếu của các công ty này đã hoặc sẽ sớm được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

a. Cơ cấu đầu tư

Tài sản đầu tư	Tỷ trọng (% NAV của Quỹ)
Cổ phiếu	50% – 100%
Tiền gửi ngắn hạn (*)	0 – 49%
Tiền trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát	Là phần còn lại sau khi đầu tư vào hai (02) loại tài sản nêu trên.

(*) Kỳ hạn tối đa là ba (03) tháng; Quỹ chỉ được tập trung vào đầu tư tiền gửi tại các Ngân hàng có định mức tín nhiệm phù hợp, trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

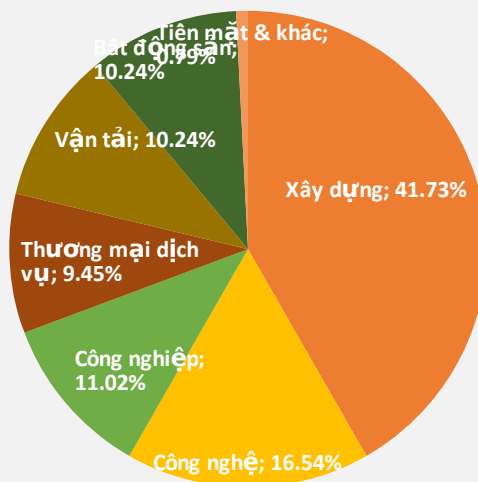
Cơ cấu tài sản trên mang tính định hướng. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi trong giới hạn phân bổ như trên tùy thuộc vào nhận định của DFVN về điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư sẵn có, nhằm đạt mục tiêu đầu tư của Quỹ và bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư vào Quỹ

b. Tài sản được phép đầu tư:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Luật Ngân hàng;
 - Theo luật liên quan, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm công cụ chuyển nhượng và công cụ chuyển nhượng;
 - Công cụ nợ Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký và giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng trên Sở giao dịch chứng khoán và chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phát hành trái phiếu ra công chúng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại từ tổ chức tín dụng hoặc tổ chức ít nhất một (01) lần mỗi mười hai (12) tháng, và Mỗi lần có cam kết mua lại ít nhất ba mươi phần trăm (30%) giá trị phát hành. Việc đầu tư tài sản vào thời điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Chứng loại, mã Chứng khoán, số lượng, số tiền giao dịch, thời gian thực hiện đã được đại diện quỹ thông qua bằng văn bản; ghi rõ trong bản cáo bạch;

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

■ Xây dựng ■ Công nghệ ■ Công nghiệp ■ Thương mại dịch vụ
■ Vận tải ■ Bất động sản ■ Tiền mặt & khác



- Văn bản chứng minh bảo lãnh thanh toán hoặc văn bản cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- Chứng khoán phái sinh được niêm yết và giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro đối với chứng khoán cơ sở do Quỹ nắm giữ;
- Các quyền phái sinh được tạo ra gắn liền với chứng khoán do Quỹ nắm giữ.

c. Lĩnh vực đầu tư:

Dựa trên chiến lược đầu tư nêu trên, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ theo ngành sẽ thay đổi theo thời gian dựa trên tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu và mức độ thanh khoản của cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường.

Sau đây là các nhóm ngành mà Quỹ đầu tư cổ phần tăng trưởng TTN dự kiến sẽ đầu tư. Cơ cấu tỷ trọng ngành thay đổi theo tính thanh khoản của thị trường, tỷ trọng đầu tư không vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại quy định hạn chế đầu tư. Nghề nghiệp bao gồm (nhưng không giới hạn):

- Vật liệu – Xây dựng
- Cơ sở hạ tầng – bất động sản
- Bán lẻ
- Hàng tiêu dùng
- Bảo hiểm
- Tiện ích công cộng
- Hàng hóa công nghiệp
- Ô tô và phụ tùng ô tô
- Dược phẩm – Công nghệ sinh học
- Vật liệu – Khai khoáng
- Dịch vụ viễn thông
- Dịch vụ thương mại và Tư vấn
- Tài chính, Ngân hàng
- Năng lượng
- Thực phẩm – Nước giải khát & thuốc lá
- Truyền thông

- Dịch vụ tiêu dùng
- Y tế và giáo dục
- Vận tải
- Bất động sản, xây dựng và phát triển hạ tầng
- Các ngành nghề khác được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của TTN CAPITAL.

d. Hạn chế đầu tư:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ
- Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ TTN phải bao gồm chứng khoán của ít nhất ba (03) tổ chức phát hành và đồng thời phải đảm bảo các hạn mức đầu tư sau:
 - Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại “Tài sản được phép đầu tư”.
 - Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ
 - Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại “Tài sản được phép đầu tư”, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần góp vốn của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
 - Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào : “ Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.”

- Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản Quỹ
- Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ
- Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó
- Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm
- Chỉ đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - + Mức đầu tư không vượt quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đã phát hành của quỹ đại chúng hoặc tổng số cổ phiếu phát hành của công ty đầu tư chứng khoán niêm yết;
 - + Không được đầu tư quá 20% tổng tài sản quỹ vào chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng hoặc cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán niêm yết;
 - + Tỷ lệ đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng hoặc cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán niêm yết không vượt quá 30% tổng tài sản của quỹ
- Quỹ chỉ được đầu tư vào các khoản tiền gửi và các công cụ tiền tệ được chỉ định do Quỹ thay mặt các tổ chức tín dụng phát hành theo danh sách được Ủy ban phê duyệt bằng văn bản.
- Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ có thể vượt quá giới hạn đầu tư quy định vì những lý do sau:
 - + Do biến động giá thị trường của các tài sản trong danh mục của Quỹ
 - + Vì việc thanh toán vốn bắt buộc phải được thực hiện theo quy định của pháp luật, bao gồm cả việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư
 - + Do hoạt động chia, tách, sáp nhập, hợp nhất của tổ chức phát hành
 - + Điều chỉnh do quỹ thành lập mới hoặc tách quỹ, sáp nhập quỹ, sáp nhập quỹ có thời gian hoạt động không quá 6 tháng kể từ ngày được cấp “Giấy chứng nhận đăng ký quỹ” hoặc “Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ”
 - + Nguồn vốn trong thời gian giải thể

- Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mục đầu tư, TTN CAPITAL sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mục đầu tư kể trên trong vòng 3 tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh
- Trường hợp sai lệch là do TTN CAPITAL không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, TTN CAPITAL phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

1.9. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ:

(i) Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ TTN sẽ sử dụng các chiến lược đầu tư chủ động để tìm kiếm, xác định và lựa chọn các cơ hội đầu tư tiềm năng. Quỹ này sẽ xây dựng mô hình phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ và phù hợp với điều kiện thị trường ở các giai đoạn khác nhau dựa trên nghiên cứu và phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô, phân tích công ty và các yếu tố thị trường. Đối với mỗi khoản đầu tư, Quỹ sẽ tập trung chủ yếu vào việc tìm kiếm và tận dụng các khoản đầu tư có giá trị thị trường hấp dẫn so với giá trị cơ bản của chúng, cũng như các khoản đầu tư có xu hướng tăng trưởng trong dài hạn. Đồng thời, Quỹ cũng xác định rủi ro danh mục đầu tư và đưa ra các biện pháp kiểm soát rủi ro. Do đó, danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các tài sản đầu tư chất lượng cao có thể gia tăng giá trị thông qua các chiến lược quản lý đầu tư tích cực của Quỹ.

(ii) Phương pháp lựa chọn cổ phiếu

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, tính thanh khoản cao, dẫn đầu xu hướng ngành, nhiều lợi thế cạnh tranh, tiềm năng tăng trưởng dài hạn, quản trị tốt, minh bạch và trung thực; tiềm lực tài chính tốt và khả năng sinh lời vượt trội. Tuy nhiên, quỹ cũng sẽ phân bổ một phần tài sản của mình cho cổ phiếu của các công ty niêm yết, mặc dù giá trị thị trường và tính thanh khoản không cao nhưng được định giá tốt và có tiềm năng tăng trưởng rõ ràng trong tương lai.

Việc lựa chọn cổ phiếu trong danh mục của quỹ được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Phân tích từ trên xuống để xác định ngành nghề có tiềm năng tăng trưởng

Quỹ sẽ sử dụng các phương pháp phân tích từ trên xuống như phân tích vĩ mô và phân tích ngành để sàng lọc các ngành hiệu quả có tiềm năng tăng trưởng. Sau đó chọn các công ty đầu ngành, công ty xuất sắc và công ty có lợi thế riêng để phân tích. Bước đánh giá ngành giúp Quỹ có thể tập trung đầu tư vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng.

Bước 2: Lựa chọn công ty có chất lượng tốt đáp ứng các tiêu chí đầu tư

- Quy mô vốn và tính thanh khoản lớn, thị trường ngành và năng lực hoạt động ở vị trí dẫn đầu.
- Tầm nhìn và năng lực của Ban Chấp hành.
- Chính sách quản trị tốt và minh bạch.
- Tình hình tài chính lành mạnh.
- So với các công ty cùng ngành, khả năng sinh lời vượt trội.
- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn.

Các tiêu chí này được đánh giá dựa trên phương pháp phân tích cơ bản của công ty thông qua tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ, phỏng vấn trực tiếp Hội đồng quản trị và Ban điều hành của công ty cũng như đánh giá về khách hàng, nhà cung cấp, mối đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty, v.v. . cùng ngành.

Ngoài ra, quỹ còn tích cực tìm kiếm các công ty không thuộc ngành nghề đã xác định ở Bước 1 nhưng vẫn đáp ứng các tiêu chí về định giá, lợi thế cạnh tranh và Bước 2 đảm bảo quỹ lựa chọn được danh mục đầu tư đa dạng, chất lượng cao.

Bước 3: Đa dạng hóa danh mục đầu tư

Trên cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản, tiềm năng tăng trưởng của công ty và ngành, hiệu quả hoạt động, rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, thanh khoản..., quỹ sẽ tích cực xây dựng danh mục đầu tư đa dạng, bao gồm cổ phiếu của các công ty thuộc các ngành khác nhau.

c. Về cấu trúc và chiến lược quản trị danh mục, Quỹ sẽ phân bổ tài sản theo nguyên tắc sau:

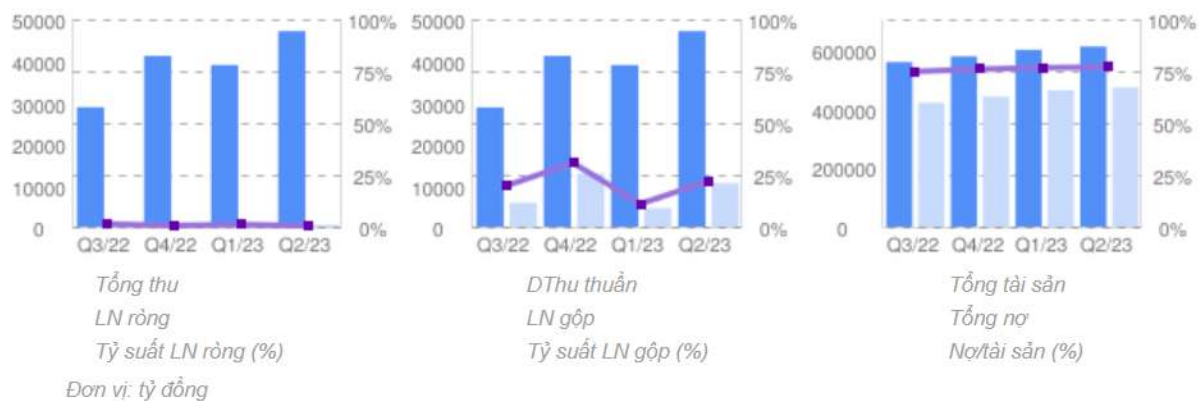
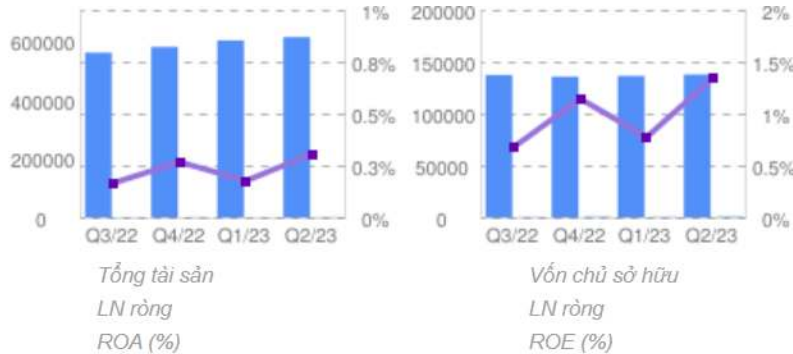
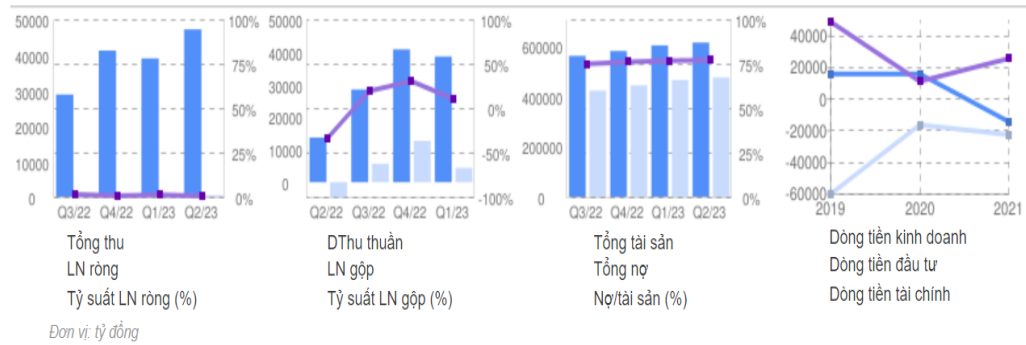
- (1) Ưu tiên tăng tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu thuộc các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn trên, tăng trưởng bền vững, phù hợp với chu kỳ kinh tế;
- (2) Mức phân bổ cho mỗi cổ phiếu nằm trên (thừa cân) hoặc dưới (thiếu tỷ trọng) tỷ trọng của cổ phiếu đó trong chỉ số chứng khoán chuẩn và hoạt động tái cơ cấu danh mục đầu tư (tái cân bằng) sẽ dựa trên định giá và giá cổ phiếu cũng như xu hướng thay đổi của nền kinh tế. trong ngành công nghiệp. Các yếu tố thị trường cũng được xem xét.

1.10. PHÂN TÍCH CÁC CỔ PHIẾU QUỸ LỰA CHỌN:

a. VIC (Tập đoàn Vingroup)

Sau khi tiến hành phân tích môi trường vĩ mô, các chỉ số tài chính, môi trường, tình hình kinh tế trong và ngoài nước hiện tại, chúng tôi nhận thấy rằng ngành Công nghệ - Công nghiệp hiện đang dẫn đầu xu hướng với những bước phát triển gần như là vượt bậc hơn cả. Và đi đầu trong lĩnh vực đó là một Tập đoàn đầy uy tín, với những sản phẩm vô cùng High-tech, kết hợp với việc xây dựng một môi trường hoạt động công nghệ - công nghiệp xanh. Từ đó những chiếc xe điện ra đời thay đổi thị hiếu, nhu

cầu của công dân Việt Nam. Chính vì sự ảnh hưởng vô cùng to lớn đó, chúng tôi chọn cổ phiếu VIC là một trong những mã cổ phiếu đầu tiên chúng tôi đầu tư và theo dõi, nhằm đảm bảo sự ổn định về việc tăng trưởng lợi nhuận cũng như tránh được các rủi ro cho các Nhà đầu tư.



	<div> <div>Trước</div> <div>Sau</div> </div>	Quý 2- 2022	Quý 3- 2022	Quý 4- 2022	Quý 1- 2023	Tăng trưởng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		13,854,110,552,126	28,791,593,756,012	41,172,042,654,108	38,974,697,766,325	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		291,868,537	49,238,278,010	4,189,163,758	11,323,235,715	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		13,853,818,683,589	28,742,355,478,002	41,167,853,490,350	38,963,374,530,610	
4. Giá vốn hàng bán		18,421,092,751,861	22,984,051,913,807	28,363,382,723,758	34,528,470,114,466	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)		-4,567,274,068,272	5,758,303,564,195	12,804,470,766,592	4,434,904,416,144	
6. Doanh thu hoạt động tài chính		10,665,717,530,521	9,998,675,299,537	2,529,340,759,105	10,066,515,609,815	
7. Chi phí tài chính		4,259,434,537,560	5,064,995,178,164	2,269,395,923,032	3,794,874,408,262	
- Trong đó: Chi phí lãi vay		2,782,425,342,765	3,036,936,274,216	2,953,960,570,955	3,331,489,083,311	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-42,079,116,404	-31,135,660,267	-3,359,532,192	-110,626,993,555	
9. Chi phí bán hàng		1,972,316,989,545	1,914,860,664,450	3,683,344,001,275	2,581,035,825,263	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3,575,385,896,529	3,756,099,658,037	5,170,071,183,784	3,213,035,219,500	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) + 24 - (25+26)}		-3,750,773,077,789	4,989,887,702,814	4,207,640,885,414	4,801,847,579,379	
12. Thu nhập khác		5,711,142,360,509	500,369,339,884	186,298,343,188	220,710,418,965	
13. Chi phí khác		554,986,170,809	237,936,241,759	439,198,195,386	758,271,083,160	
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)		5,156,156,189,700	262,433,098,125	-252,899,852,198	-537,560,664,195	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)		1,405,383,111,911	5,252,320,800,939	3,954,741,033,216	4,264,286,915,184	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		874,771,774,717	4,731,400,416,772	3,618,125,430,345	3,604,349,603,621	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		14,955,644,075	14,573,676,744	-73,705,837,903	70,788,361,082	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)		515,655,693,119	506,346,707,423	410,321,440,774	589,148,950,481	
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ		3,190,695,602,994	946,780,920,767	1,558,987,034,231	1,066,234,558,673	
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát		-2,675,039,909,875	-440,434,213,344	-1,148,665,593,457	-477,085,608,192	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)						---
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						---

(Tình hình tài chính công ty qua các năm)



(Bảng phân tích kỹ thuật)

- ⇒ VIC có lợi thế quỹ đất lớn, vị trí rất đắc địa, khả năng huy động vốn và kinh nghiệm triển khai dự án tốt; có nguồn thu cao và ổn định đến từ việc cho thuê mặt bằng trong các tòa tháp đã đưa vào khai thác. Tăng trưởng trong những năm tới có thể đạt mức cao với các dự án đã và đang triển khai. Giá trị nội tại của VIC ở mức khoảng 104.000 VND/cổ phần.
- ⇒ Lịch sử giá cổ phiếu VIC: Kể từ khi niêm yết trên sàn HOSE, giá cổ phiếu của mã VIC nhìn chung có xu hướng tăng, tuy nhiên chưa đạt được sự bứt phá mạnh mẽ. Trong giai đoạn từ tháng 09/2017, giá cổ phiếu VIC tăng nhanh, đạt đỉnh vào tháng 04/2021. Từ sau thời điểm đó, giá cổ phiếu giữ xu hướng giảm, sau đó lại tăng mạnh khi có thông tin về tiến trình niêm yết hãng xe ô tô VinFast tại Mỹ. Tổng cộng, tính từ khi niêm yết vào năm 2007 đến nay, mức lãi năm trung bình từ việc đầu tư vào cổ phiếu VIC là 17%. Đối với nhiều nhà đầu tư cá nhân, mức lợi nhuận này thực sự hấp dẫn. Có giai đoạn đặc biệt (từ tháng 7/2017 đến 4/2018) khi mã chứng

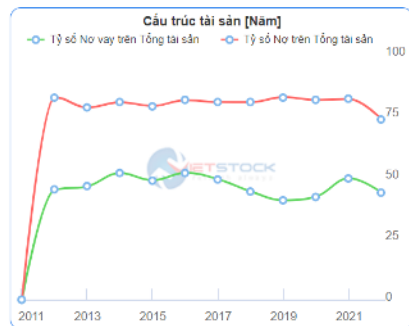
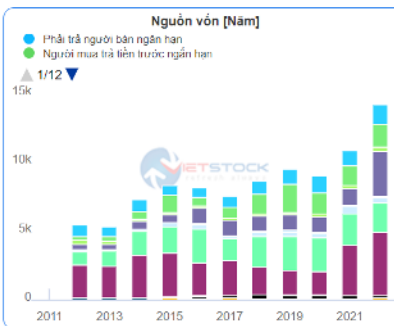
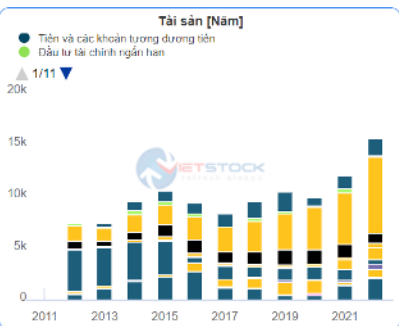
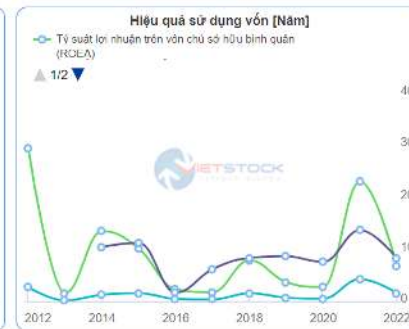
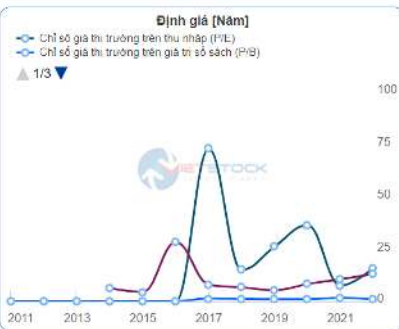
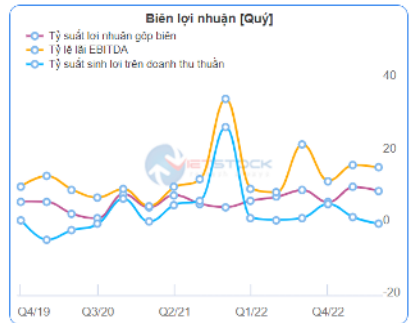
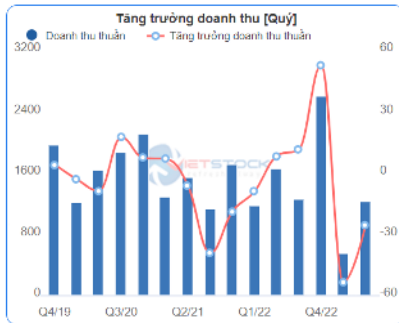
khoản VIC mang lại lợi nhuận lớn đạt 200% trong chưa đầy 10 tháng. Tuy nhiên, năm 2022, mặc dù doanh thu của Vingroup tăng đáng kể, lợi nhuận ròng lại giảm điều này cần được chú ý.

b. CC1 (Tổng công ty Xây dựng số 1)

Chỉ sau ngành Công nghệ - Công nghiệp, ngành nghề phát triển đáng kể tiếp theo chính là Xây dựng, và công ty quỹ chọn lựa để ra quyết định đầu tư đó là Tổng Công ty Xây dựng số 1.



(Bảng phân tích kỹ thuật Cổ phiếu CC1)



(Tình hình tài chính công ty qua các năm)

Trong quý 2 năm 2023, chi phí quản lý doanh nghiệp của CC1 giảm 35% so với cùng kỳ, từ 68 (tỷ đồng) xuống 44,5 (tỷ đồng). Theo xu hướng chung là tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, chi phí lãi vay tăng xấp xỉ 21% từ 103,8 tỷ đồng lên 125,2 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh quý II năm 2023 là 7,8 tỷ đồng, nhưng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quy định để xác

định số thuế tạm nộp là 10,3 tỷ đồng, làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. âm 2,5 tỷ đồng.

Vì vậy, trong 6 tháng đầu năm 2023, CC1 được đánh giá là hoạt động năng động và hiệu quả với lợi nhuận trước thuế là 18,9 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 5,8 tỷ đồng trong bối cảnh kinh tế. Có rất nhiều thách thức, đặc biệt là trong ngành xây dựng.

Do đặc thù của ngành xây dựng, giai đoạn đầu triển khai dự án cần tập trung vào khâu chuẩn bị thiết bị cơ khí, cung cấp nguyên vật liệu, bàn giao mặt bằng,... Có nhiều nguồn thu nhập nhưng trọng tâm sẽ là tiến độ. khi dự án bước vào nhịp xây dựng, chủ yếu từ 6 tháng cuối năm 2023 mới bắt đầu. Ngoài ra, những chỉ đạo mạnh mẽ của Chính phủ về thúc đẩy phân bổ quỹ đầu tư công nhằm kích thích phát triển kinh tế cũng là tiền đề quan trọng để dự đoán doanh thu của CC1 sẽ tăng đáng kể trong 2 quý cuối năm nay.

Trên thị trường chứng khoán, khi cuộc cạnh tranh đấu thầu dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành trị giá hơn 35 nghìn tỷ đồng ngày càng gay gắt, thị giá CC1 cũng nóng lên, tăng mạnh lên mức cao nhất trong nhiều phiên giao dịch. Chẳng hạn, giá đóng cửa ngày giao dịch ngày 1/8 là 19.800 đồng/cổ phiếu (tăng 14,45%) và giá đóng cửa ngày giao dịch ngày 2/8 là 21.800 đồng/cổ phiếu (tăng 14,74%). Đây là mức tăng kỷ lục của cổ phiếu này trong 12 tháng qua.

c. HAN (Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội:

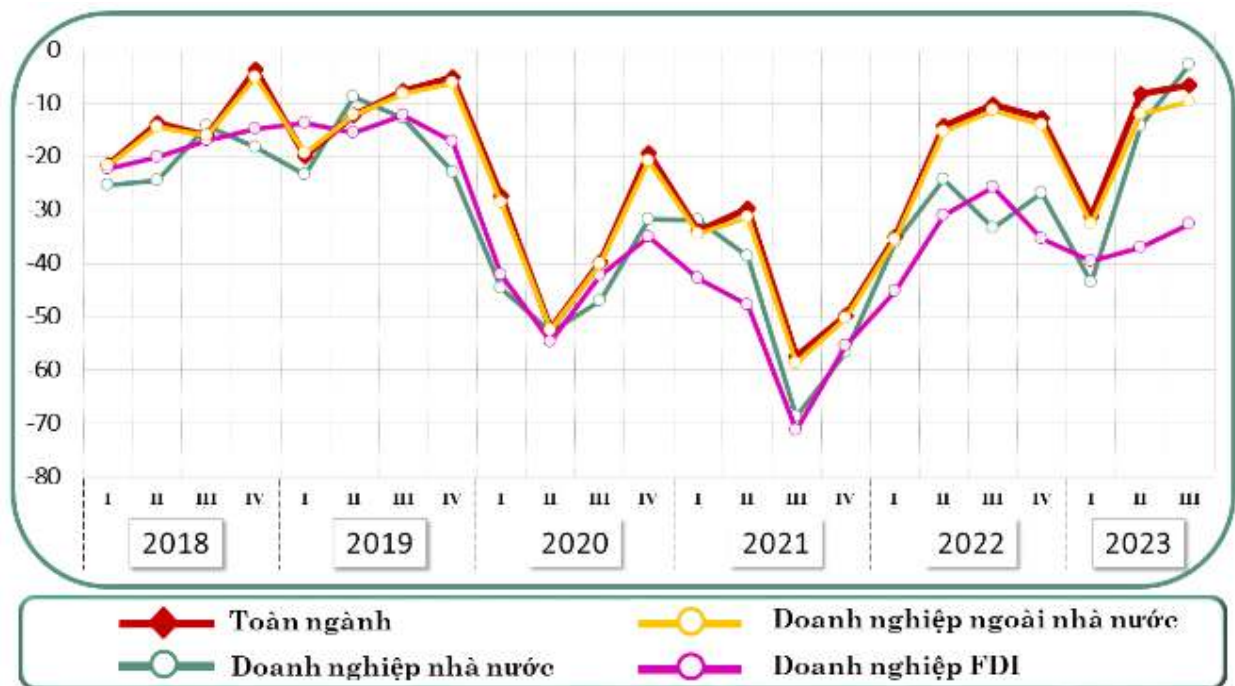
Đang bị cấm bán

10,600 ■ 0 (0%)

20/10/2023 15:19

Mở cửa	10,100	Dư mua	7,550
Cao nhất	10,600	Dư bán	6,621
Thấp nhất	10,100	Cao 52T	20,000
KLGD	4,926	Thấp 52T	6,700
Vốn hóa	1,495.11	KLBQ 52T	18,730
NN mua	-	EPS	281
% NN sở hữu	0	P/E	37.87
Cổ tức TM	430	F P/E	16.23
T/S cổ tức	0.04	BVPS	11,616
Beta	2.06	P/B	0.92

(Các chỉ số tài chính gần nhất, EPS theo BCTC 4 quý gần nhất)



Theo biểu đồ chỉ số cân bằng chung xu hướng sản xuất kinh doanh doanh nghiệp xây dựng của Tổng cục Thống kê, ngành xây dựng trong quý 2/2023 đã phục hồi

mạnh mẽ so với quý trước đó, thậm chí là vượt cùng kỳ năm trước. Và HAN vẫn giữ vững phong độ nằm trong top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận tăng trong quý 2/2023. Qua đó ta thấy được nguồn lợi nhuận ổn định của quý công ty mặc cho môi trường vĩ mô có nhiều biến động. Tuy giá tăng không nhiều nhưng nhìn vào Báo cáo Tài chính của công ty ta có thể dự đoán được tương lai xán lạn của mã CK này.

(3) PHẦN 3: TÀI LIỆU THAM KHẢO & LỊCH SỬ GIÁ

a. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://vietstock.vn/2023/08/doanh-nghiep-xay-dung-tim-dong-luc-tang-truong-tu-dau-737-1103720.htm> - Doanh nghiệp xây dựng tim động lực tăng trưởng từ đâu? – truy cập ngày 20/10/2023.
2. <https://finance.vietstock.vn/HAN-tong-cong-ty-xay-dung-ha-noi-ctcp.htm> - Tổng quan về cổ phiếu HAN – truy cập ngày 20/10/2023.
3. <https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/co-phieu-cc1-di-nguoc-xu-huong-am-dam-cua-thi-truong-post312361.html> - Cổ phiếu CC1 đi ngược xu hướng âm ảm của thị trường – truy cập ngày 18/10/2023.
4. <https://nguoiquansat.vn/co-phieu-vic-cho-qua-ngot-tu-vinfast-de-co-niem-vui-tai-chinh-cho-moi-nguoi-78868.html> - Cổ phiếu VIC chờ quả ngọt từ VinFast để có “niềm vui tài chính” cho mọi người - truy cập ngày 18/10/2023.
5. <https://finance.vietstock.vn/CC1-tong-cong-ty-xay-dung-so-1-ctcp.htm> - Tổng quan về cổ phiếu CC1 – truy cập ngày 19/10/2023.
6. <https://s.cafef.vn/du-lieu.chn> - Tổng quan thị trường chứng khoán – truy cập ngày 19/10/2023.
7. <https://www.cophieu68.vn/> - Lịch sử giá VIC, HAN, CC1 – truy cập ngày 17/10/2023.
8. www.ssi.com.vn – Bản cáo bạch – truy cập ngày 21/10/2023.
9. <https://vietcapital.com.vn> – Tài liệu quỹ - truy cập ngày 19/10/2023

10. https://www.dfvn.com.vn/sites/default/files/info_disclosure_doc/DFVN

- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động DFVN – truy cập ngày 20/10/2023.

b. LỊCH SỬ GIÁ:

1. Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội (HAN) :

NGÀY	GIÁ MỞ CỬA	GIÁ ĐÓNG CỬA
20/10/2023	10.100,00	10.600,00
19/10/2023	10.700,00	11.700,00
18/10/2023	11.200,00	10.700,00
17/10/2023	11.200,00	11.200,00
16/10/2023	11.800,00	11.700,00
13/10/2023	12.500,00	11.700,00
12/10/2023	11.200,00	11.400,00
11/10/2023	11.200,00	11.000,00
10/10/2023	11.100,00	11.100,00
09/10/2023	11.000,00	11.200,00
06/10/2023	11.400,00	11.400,00
05/10/2023	11.200,00	11.400,00
04/10/2023	11.100,00	11.200,00
03/10/2023	12.100,00	11.100,00
02/10/2023	11.800,00	12.000,00

29/09/20 23	11.700,0 0	11.600, 00
28/09/20 23	11.300,0 0	11.700, 00
27/09/20 23	11.000,0 0	11.400, 00
26/09/20 23	12.500,0 0	11.900, 00
25/09/20 23	12.700,0 0	11.700, 00
22/09/20 23	13.400,0 0	12.600, 00
21/09/20 23	13.700,0 0	13.700, 00
20/09/20 23	12.400,0 0	13.500, 00
19/09/20 23	13.500,0 0	13.100, 00
18/09/20 23	14.300,0 0	13.800, 00
15/09/20 23	14.600,0 0	14.000, 00
14/09/20 23	15.100,0 0	14.500, 00
13/09/20 23	15.900,0 0	15.500, 00
12/09/20 23	15.600,0 0	15.200, 00
11/09/20 23	16.300,0 0	15.100, 00
08/09/20 23	16.800,0 0	16.100, 00
07/09/20 23	16.700,0 0	16.800, 00
06/09/20 23	17.600,0 0	16.700, 00
05/09/20 23	18.000,0 0	17.500, 00
31/08/20 23	18.000,0 0	18.000, 00
30/08/20 23	18.000,0 0	18.000, 00

29/08/2023	19.000,00	18.300,00
28/08/2023	18.500,00	19.100,00
25/08/2023	19.800,00	19.400,00
24/08/2023	18.800,00	18.700,00
23/08/2023	18.800,00	19.000,00
22/08/2023	18.000,00	18.500,00
21/08/2023	18.700,00	18.100,00
18/08/2023	19.400,00	18.700,00
17/08/2023	19.500,00	19.700,00
16/08/2023	20.400,00	19.400,00
15/08/2023	19.900,00	19.200,00
14/08/2023	20.000,00	19.800,00
11/08/2023	17.800,00	18.400,00
10/08/2023	18.400,00	17.700,00
09/08/2023	17.500,00	18.500,00
08/08/2023	16.600,00	17.500,00
07/08/2023	18.300,00	17.000,00
04/08/2023	18.000,00	18.400,00
03/08/2023	20.000,00	18.500,00
02/08/2023	19.000,00	20.000,00
01/08/2023	16.100,00	18.100,00

(Lịch sử giá trong 2 tháng gần nhất)

2. Tổng Công ty Xây dựng số 1 (CCI):

NGÀY	GIÁ MỞ CỬA	GIÁ ĐÓNG CỬA
20/10/2023	12.800,00	13.000,00
19/10/2023	13.000,00	12.600,00
18/10/2023	12.700,00	13.100,00
17/10/2023	14.400,00	13.900,00
16/10/2023	14.800,00	14.200,00
13/10/2023	14.700,00	14.800,00
12/10/2023	14.600,00	15.100,00
11/10/2023	14.500,00	14.300,00
10/10/2023	14.500,00	14.300,00
09/10/2023	14.800,00	14.000,00
06/10/2023	14.400,00	13.900,00
05/10/2023	14.000,00	13.800,00
04/10/2023	14.500,00	14.500,00
03/10/2023	15.900,00	14.200,00
02/10/2023	15.700,00	15.900,00
29/09/2023	16.000,00	15.900,00
28/09/2023	16.000,00	16.000,00
27/09/2023	15.167,70	15.167,70
26/09/2023	15.443,48	15.351,55
25/09/2023	16.362,73	14.616,15
22/09/2023	17.006,21	16.362,73
21/09/2023	17.373,91	17.373,91
20/09/2023	17.006,21	17.098,14
19/09/2023	17.373,91	16.730,43
18/09/2023	18.385,09	17.649,69
15/09/2023	18.385,09	18.385,09
14/09/2023	19.580,12	18.477,02
13/09/2023	18.752,80	19.580,12
12/09/2023	19.028,57	18.568,94

11/09/2023	19.947,83	18.752,80
08/09/2023	20.039,75	19.580,12
07/09/2023	20.223,60	20.039,75
06/09/2023	20.683,23	19.947,83
05/09/2023	20.683,23	20.591,30
31/08/2023	20.867,08	20.683,23
30/08/2023	20.867,08	20.499,38
29/08/2023	21.142,86	20.867,08
28/08/2023	21.786,34	21.142,86
25/08/2023	22.154,04	21.234,78
24/08/2023	20.683,23	20.683,23
23/08/2023	20.315,53	20.683,23
22/08/2023	20.315,53	20.039,75
21/08/2023	21.418,63	20.499,38
18/08/2023	21.510,56	21.418,63
17/08/2023	21.510,56	21.786,34
16/08/2023	22.062,11	22.062,11
15/08/2023	22.062,11	21.142,86
14/08/2023	20.959,01	21.602,48
11/08/2023	19.763,98	20.223,60
10/08/2023	20.223,60	19.488,20
09/08/2023	19.028,57	20.315,53
08/08/2023	18.477,02	19.028,57
07/08/2023	19.304,35	18.477,02
04/08/2023	20.131,68	19.580,12
03/08/2023	20.039,75	19.672,05
02/08/2023	19.304,35	20.039,75
01/08/2023	15.811,18	18.201,24

(Lịch sử giá trong 2 tháng gần nhất)

3. Tập đoàn Vingroup (VIC):

NGÀY	GIÁ MỞ CỬA	GIÁ ĐÓNG CỬA
20/10/2023	43.000,00	43.350,00
19/10/2023	43.800,00	43.200,00
18/10/2023	44.050,00	43.800,00
17/10/2023	45.000,00	44.000,00
16/10/2023	46.050,00	45.000,00
13/10/2023	46.050,00	46.100,00

12/10/2023	46.000,00	46.500,00
11/10/2023	45.050,00	45.450,00
10/10/2023	45.600,00	44.900,00
09/10/2023	46.000,00	45.200,00
06/10/2023	45.900,00	45.950,00
05/10/2023	46.200,00	45.600,00
04/10/2023	44.500,00	46.100,00
03/10/2023	45.900,00	44.500,00
02/10/2023	47.000,00	46.900,00
29/09/2023	45.200,00	46.850,00
28/09/2023	45.200,00	45.000,00
27/09/2023	44.600,00	45.200,00
26/09/2023	46.000,00	45.000,00
25/09/2023	50.100,00	46.500,00
22/09/2023	51.500,00	50.000,00
21/09/2023	53.800,00	52.200,00
20/09/2023	52.000,00	53.500,00
19/09/2023	53.500,00	51.700,00
18/09/2023	53.600,00	53.000,00
15/09/2023	56.000,00	53.600,00
14/09/2023	59.100,00	55.500,00
13/09/2023	60.800,00	59.200,00
12/09/2023	59.800,00	60.300,00
11/09/2023	60.100,00	59.100,00
08/09/2023	60.500,00	59.100,00
07/09/2023	62.000,00	60.800,00
06/09/2023	62.400,00	61.600,00
05/09/2023	62.500,00	62.300,00
31/08/2023	62.500,00	62.100,00
30/08/2023	63.000,00	62.000,00
29/08/2023	65.700,00	63.400,00
28/08/2023	65.000,00	64.700,00
25/08/2023	65.200,00	63.500,00
24/08/2023	65.700,00	64.200,00
23/08/2023	69.000,00	65.000,00
22/08/2023	67.000,00	64.500,00
21/08/2023	66.000,00	65.800,00
18/08/2023	69.100,00	66.900,00
17/08/2023	75.600,00	71.900,00
16/08/2023	75.600,00	75.600,00
15/08/2023	73.000,00	70.700,00

14/08/2023	74.900,00	73.300,00
11/08/2023	72.600,00	72.600,00
10/08/2023	66.300,00	67.900,00
09/08/2023	67.000,00	65.800,00
08/08/2023	64.000,00	67.000,00
07/08/2023	63.500,00	63.900,00
04/08/2023	59.000,00	62.200,00
03/08/2023	58.300,00	58.200,00
02/08/2023	59.000,00	58.300,00
01/08/2023	58.800,00	58.900,00

(Lịch sử giá trong 2 tháng gần nhất)